

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671010 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Tất	Đoàn	3572031594	18/07/1991	,00	,00	,00	
2	Trần Quốc	Việt	3671010091	14/02/1994	1,50	,00	,50	
3	Phạm Tuấn	Vũ	3671010132	18/08/1991	4,50	5,00	4,90	
4	Võ Đăng	Thới	3671010158	07/09/1988	,00	,00	,00	
5	Lê Thành	Trọng	3671010253	09/10/1994	3,00	,00	,90	
6	Đoàn Phương	Thiện	3671010266	27/11/1992	3,00	3,00	3,00	
7	Khổng Duy	Khánh	3671010277	10/07/1993	2,50	1,00	1,50	
8	Phan Công	Thìn	3671010291	03/11/1992	1,50	,00	,50	
9	Nguyễn Văn	Vinh	3671010335	26/10/1994	3,50	,00	1,10	
10	Vũ Biên	Hòa	3671010364	01/01/1994	1,50	,00	,50	
11	Hoàng Anh	Tiến	3671010368	25/05/1994	3,50	2,00	2,50	
12	Nguyễn Trọng	Tú	3671010380	26/09/1994	3,00	,00	,90	
13	Vũ Thị Thanh	Xuân	3671010391	06/03/1994	6,00	3,00	3,90	
14	Lê Thị Kim	Linh	3671010405	12/02/1994	6,00	1,00	2,50	
15	Nguyễn Ngọc Phước	Dinh	3671010407	21/11/1993	1,50	,00	,50	
16	Nguyễn Hoàng	Quang	3671010475	10/04/1994	1,50	,00	,50	
17	Trần Xuân	Thanh	3671010480	11/01/1993	2,50	,00	,80	
18	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3671010483	11/01/1994	3,00	,00	,90	
19	Võ Dương Việt	Trân	3671010487	10/05/1994	6,00	,00	1,80	
20	Mai Quốc	Dũng	3671010581	19/07/1994	3,00	,00	,90	
21	Đỗ Ngọc Tiên	Nhi	3671010610	19/08/1994	2,00	3,00	2,70	
22	Nguyễn Quyết	Thắng	3671010612	01/12/1994	1,50	,00	,50	
23	Ngô Đình	Khiêm	3671010625	23/12/1993	3,50	,00	1,10	
24	Nguyễn Tiến	Quảng	3671010666	28/12/1991	4,00	1,00	1,90	
25	Phan Thị Tú	Anh	3671010686	01/09/1993	5,50	,00	1,70	
26	Lê Anh	Tuấn	3671010755	04/05/1994	3,50	5,00	4,60	
27	Nguyễn Văn	Trường	3671010776	15/09/1993	5,50	,00	1,70	
28	Đỗ Văn	Sang	3671010785	29/04/1994	1,00	,00	,30	
29	Vũ Minh	Nhật	3671010806	20/11/1994	2,50	2,00	2,20	
30	Nguyễn Trọng	Quang	3671010849	23/05/1994	2,00	3,00	2,70	
31	Phạm Bá	Sơn	3671010916	10/12/1994	1,50	,00	,50	
32	Nguyễn Văn	Vàng	3671010920	05/05/1994	1,50	,00	,50	
33	Lâm Triệu	Hưng	3671010933	01/10/1994	1,00	,00	,30	
34	Hà Nhật	Tâm	3671010939	16/04/1994	3,00	,00	,90	
35	Trần Thị Kim	Ngân	3671010969	15/09/1994	1,50	2,00	1,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Minh	Cường	3671011042	16/07/1992	5,50	,00	1,70	
37	Nguyễn Chi	Đức	3671011085	10/08/1994	2,00	,00	,60	
38	Cổ Ngọc Hoàn	Quý	3671011090	24/02/1994	3,00	,00	,90	
39	Phan Văn	Tân	3671011095	07/04/1994	4,50	6,00	5,60	
40	Nguyễn Huy	Hoàng	3671011145	30/08/1994	2,00	,00	,60	
41	Phan Anh	Vũ	3671011147	26/10/1994	2,00	,00	,60	
42	Nguyễn Văn	Một	3671011217	11/08/1994	1,50	,00	,50	
43	Nguyễn Văn	Thắng	3671011223	28/09/1994	3,00	,00	,90	
44	Nguyễn Võ Thanh	Bình	3671011285	30/06/1994	2,00	,00	,60	
45	Mai Ngọc	Sỹ	3671011294	20/11/1993	1,50	,00	,50	
46	Lê Hoàng	Minh	3671011465	07/10/1994	2,00	,00	,60	
47	Trần Văn	Thắng	3671011483	01/05/1994	5,50	1,00	2,40	
48	Võ Minh	Luân	3671011502	10/07/1994	2,00	,00	,60	
49	Trần Tuấn	Anh	3671011528	02/04/1994	,00	,00	,00	
50	Trần Quốc	Thắng	3671011578	20/11/1993	,00	,00	,00	
51	Phạm Minh	Hiếu	3671011594	12/04/1994	2,00	,00	,60	
52	Từ Hữu	Thịnh	3671011604	22/01/1994	2,50	,00	,80	
53	Huỳnh Gia	Khánh	3671011614	14/02/1994	4,00	,00	1,20	
54	Ngô Anh	Toàn	3671011627	28/08/1994	1,50	,00	,50	
55	Lưu Kim	Thư	3671011632	19/11/1994	,00	,00	,00	
56	Lê Anh	Nguyên	3671011649	26/11/1994	2,00	,00	,60	
57	Nguyễn Thị	Lan	3671011654	30/03/1994	3,50	,00	1,10	
58	Trần Đăng	Khoa	3671011655	17/06/1994	4,50	,00	1,40	
59	Trần Thị Hồng	Vân	3671011665	31/03/1994	,00	,00	,00	
60	Lê Tấn	Phát	3671011670	10/01/1993	,00	,00	,00	
61	Đoàn Quang	Hùng	3671011676	18/07/1994	,00	,00	,00	
62	Nguyễn Trung	Hậu	3671011685	04/02/1994	3,50	,00	1,10	
63	Phạm Nguyễn Anh	Hoàng	3671011846	28/02/1994	1,00	,00	,30	
64	Lục Văn	Nhục	3671011849	18/07/1994	1,00	,00	,30	
65	Đào Thị Hoài	Thu	3671011852	17/09/1993	3,50	2,00	2,50	
66	Dương Vũ Chí	Công	3671011859	09/06/1994	3,50	,00	1,10	
67	Nguyễn Văn	Tiến	3671011863	13/01/1993	2,50	1,00	1,50	
68	Trần Thị	Liên	3671011891	22/11/1993	4,00	,00	1,20	
69	Nguyễn Thị	Trang	3671011896	02/07/1994	3,50	,00	1,10	
70	Nguyễn Thị Thu	Hương	3671011897	26/01/1994	3,00	,00	,90	
71	Lê Văn	Hùng	3671011905	06/03/1994	5,00	7,00	6,40	
72	Phạm Quang	Tuyến	3671011919	24/11/1993	4,00	,00	1,20	
73	Trần Thị Như	Trinh	3671011934	20/03/1994	4,50	4,00	4,20	
74	Lê Trung	Nhân	3671011937	01/01/1993	1,00	,00	,30	
75	Nhữ Quốc	Tĩnh	3671011939	24/04/1993	4,50	,00	1,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Quốc	Trung	3671011964	26/05/1994	4,50	,00	1,40	
77	Trần Thị Linh	Chi	3671011977	12/10/1993	5,50	,00	1,70	
78	Bùi Đình	Bắc	3671011999	28/11/1993	5,00	2,00	2,90	
79	Đặng Xuân	Hạ	3671012000	19/08/1994	5,50	3,00	3,80	
80	Nguyễn Thị	Ngân	3671012007	20/05/1994	4,00	,00	1,20	
81	Đặng Thị	Diễm	3671012014	18/08/1994	4,50	2,00	2,80	
82	Lê Đình	Quân	3671012029	28/01/1993	1,50	,00	,50	
83	Nguyễn Minh	Tuấn	3671012033	01/06/1994	1,50	,00	,50	
84	Nguyễn Minh	Kha	3671012037	17/08/1994	2,00	,00	,60	
85	Lâm Thanh	Bảo	3671012042	26/05/1994	4,50	1,00	2,10	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)